

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 28-6-2024  
V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Văn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Thanh Hà; ông Phạm Bảo Trường.

- Thư ký phiên tòa: ông Đặng Minh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Mộng Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023, về “Tranh chấp ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXX-ST ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Phạm Văn H, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm D, thôn N, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: chị Thi Thị P, sinh năm 1984; địa chỉ: N L, seri teruntum 64, Kampong J, Kuantan pahang, Malaysia; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn H (nguyên đơn) trình bày:

Anh và chị Thi Thị P đăng ký kết hôn vào ngày 27-8-2018 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Anh và chị P sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do chị P qua Malaysia để lao động, còn anh ở Việt Nam. Do khoảng cách về địa lý, thời gian nên vợ chồng ít trao đổi, nói chuyện với nhau, hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Thi Thị P.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: anh H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn, (chị Thi Thị P):* Là người Việt Nam cư trú tại Malaysia, Tòa án đã ủy thác tư pháp để thu thập lời khai, thông báo ngày mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam nhưng đến nay Tòa án không nhận được ý kiến phản hồi của chị P. Ngày 23-5-2024, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh có công văn số 12/TAND-HNGĐ gửi Ban đối ngoại, Đ (VOV5) về việc đăng tin tổng đạt thông báo văn bản tố tụng cho chị Thi Thị P. Văn bản đã thông báo ngày kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án. Tuy nhiên, chị Thi Thị P đều vắng mặt trong các buổi làm việc và xét xử của Tòa án.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục phiên tòa dân sự. Trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn H, cho anh Phạm Văn H được ly hôn với chị Thi Thị P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Anh Phạm Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh H.

[1.2] Chị Thi Thị P đã được Tòa án ủy thác tư pháp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, thông báo ngày mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; mở lại phiên họp, hòa giải; mở phiên tòa xét xử sơ thẩm; mở lại phiên tòa lần 2. Ngoài ra, Tòa án đã có thông báo trên Đ (VOV5) về việc đăng tin tổng đạt thông báo văn bản tố tụng cho chị Thi Thị P nhưng đến nay Tòa án không nhận được ý kiến phản hồi của chị Thi Thị P và chị P không có mặt tại phiên tòa. Tòa án căn cứ khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; xét xử vắng mặt chị Thi Thị P.

**[2] Xét yêu cầu ly hôn của anh Phạm Văn H đối với chị Thi Thị P, thấy rằng:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Phạm Văn H và chị Thi Thị P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình vào ngày 27-8-2018 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại Tây Ninh. Năm 2018, anh chị phát sinh mâu thuẫn do chị P sang Malaysia để lao động, còn

anh **H** ở Việt Nam và anh chị không còn liên lạc với nhau từ đó đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn gia đình của anh **H** và chị **P** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh **Phạm Văn H** đối với chị **Thị Thị P** là có căn cứ.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: anh **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét đề nghị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng khác:

[4.1] Căn cứ Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016. Anh **Phạm Văn H** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000032 ngày 28-8-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

[4.2] Căn cứ theo Mục 3.2 Công văn số 154/TANDTC-HTQT ngày 26-6-2024 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự ở nước ngoài trong các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình thì đối với Quốc gia **M** là nước không thu tiền chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp. Vì vậy, hoàn trả lại cho anh **Phạm Văn H** số tiền 3.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp theo Biên lai thu số 0000033 ngày 28-8-2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

[5] Về án phí sơ thẩm: anh **Phạm Văn H** phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 238, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27, Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Phạm Văn H** đối với chị **Thị Thị P**.
2. Anh **Phạm Văn H** được ly hôn với chị **Thị Thị P**.
3. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không đặt ra giải quyết.
4. Về án phí sơ thẩm: anh **Phạm Văn H** phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh **H** đã nộp theo

Biên lai thu số 0016732 ngày 19-7-2023, của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; ghi nhận anh **H** đã nộp xong.

**5. Về chi phí tố tụng khác:**

5.1. Anh **Phạm Văn H** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng chi phí ủy thác tư pháp, khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000032 ngày 28-8-2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; ghi nhận anh **H** đã nộp xong.

5.2. Hoàn trả lại cho anh **Phạm Văn H** số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng tiền tạm ứng chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp theo Biên lai thu số 0000033 ngày 28-8-2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

**6. Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, theo thời hạn như sau:**

Anh **Phạm Văn H** được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Chị **Thị Thị P** được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, trong thời hạn 01(một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND. TTN;
- Cục THADS. TTN;
- UBND xã Khánh Cường;
- Phòng KTNV. TAT;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án HNGĐST.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Tâm**